

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY SÀI GÒN

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

1

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 179/2003/QĐ – BCN ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002501 ngày 16 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 25 tháng 06 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh giày dép, túi xách, cặp táp, các loại (không thuộc da tại trụ sở). Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành giày dép, túi xách, cặp táp. Đại lý mua bán, ký gửi giày dép, túi xách, cặp táp cho nước ngoài. Xuất nhập khẩu trực tiếp. Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Đại lý tàu biển. Dịch vụ lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Nhà hàng ăn uống.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Chủ tịch	
Ông Đào Văn Nam	Phó chủ tịch	đến ngày 24/04/2011
Ông Lê Trung Nam	Ủy viên	từ ngày 24/04/2011
Ông Nguyễn Đức Bình	Ủy viên	
Ông Vũ Đình Khang	Ủy viên	
Ông Ngô Xuân Thúc	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban
Ông Diệp Quốc Thanh	Thành viên
Ông Ngô Trọng Khanh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



HUỲNH TẤN TÀI

Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012





Số : 104 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng: Ban Giám đốc công ty chọn việc ghi nhận và hạch toán chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009. Theo thông tư này, thì việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nếu áp dụng theo chuẩn mực kế toán, thì lãi của công ty sẽ giảm đi một khoản là: 1,014 tỷ đồng. Ban Giám đốc công ty tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 201 và đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt này sẽ cung cấp đầy đủ thông tin hơn cho người sử dụng báo cáo.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga

Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Tài sản ngắn hạn	100		56.714.995.411	56.415.610.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	25.924.956.214	38.660.777.658
1. Tiền	111		25.524.956.214	16.610.777.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000	22.050.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V02	12.312.760.393	6.559.760.051
1. Phải thu khách hàng	131		12.298.949.292	6.344.825.380
2. Trả trước cho người bán	132		-	214.934.671
3. Các khoản phải thu khác	135		13.811.101	-
IV. Hàng tồn kho	140	V03	12.905.762.064	6.398.075.967
1. Hàng tồn kho	141		12.905.762.064	6.398.075.967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.571.516.740	4.796.997.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.845.532.362	4.237.108.471
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.04	34.554.776	34.554.776
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	691.429.602	525.333.980
B. Tài sản dài hạn	200		1.216.685.584	1.801.474.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.216.685.584	1.801.474.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.216.685.584	1.801.474.782
- Nguyên giá	222		31.988.096.087	31.988.096.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.771.410.503)	(30.186.621.305)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.931.680.995	58.217.085.685

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Nợ phải trả	300		33.046.224.529	33.635.606.961
I. Nợ ngắn hạn	310		31.903.808.729	32.597.177.761
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		8.623.300.023	7.260.614.289
3. Người mua trả tiền trước	313		2.840.537.220	4.835.635.788
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.07	932.316.662	860.295.362
5. Phải trả công nhân viên	315		14.801.574.340	14.632.380.680
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.08	3.336.704.437	2.802.820.595
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.369.376.047	2.205.431.047
II. Nợ dài hạn	330		1.142.415.800	1.038.429.200
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.09	1.142.415.800	1.038.429.200
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
B. Vốn chủ sở hữu	400		24.885.456.466	24.581.478.724
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	24.885.456.466	24.581.478.724
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(714.990.000)	(714.990.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.014.820.842)	(1.475.574.887)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.424.693.265	2.073.693.265
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.183.894.213	1.008.394.213
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.006.679.830	7.689.956.133
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.931.680.995	58.217.085.685



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		77.256,00	147.203,00
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.205.693,80	789.900,87
- EUR		348,77	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lý

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Bình

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

198372
CÔNG TY
NHIỆM VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM T
M VIỆ
PHÓ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	101.242.211.410	102.494.820.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	29.268.233
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	101.242.211.410	102.465.551.990
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	91.796.419.827	93.505.268.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.445.791.583	8.960.283.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	3.680.189.855	5.338.635.363
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.707.937.858	1.758.590.969
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.414.626.476	6.694.147.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.003.417.104	5.846.180.290
11. Thu nhập khác	31	VI.06	768.217.000	247.460.000
12. Chi phí khác	32	VI.07	3.744.589	-
13. Lợi nhuận khác	40		764.472.411	247.460.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.767.889.515	6.093.640.290
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	51	VI.08	1.258.595.818	1.031.225.230
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.509.293.697	5.062.415.060
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.329	3.360

(*) Trong đó thuế TNDN năm 2010 nộp bổ sung do tính lại thuế theo công văn hướng dẫn số 2701 ngày 08/04/2011 của Cục thuế TP.HCM là 339.106.247 đồng.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Bình

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	97.165.005.284	112.849.626.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(61.096.931.328)	(50.957.313.360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(38.125.151.147)	(38.229.554.772)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.186.382.211)	(617.435.056)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.141.098.774	8.874.778.475
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.865.373.368)	(23.239.811.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.967.733.996)	8.680.290.545
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(89.120.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.123.493.921	2.299.189.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.123.493.921	2.210.069.567
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.712.330.000)	(2.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.712.330.000)	(2.240.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.556.570.075)	8.650.360.112
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	38.660.777.658	29.605.116.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(179.251.369)	405.300.943
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	25.924.956.214	38.660.777.658

Người lập biểu

Nguyễn Thị Lý

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Bình

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Giày Sài Gòn được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 179/2003/QĐ – BCN ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002501 ngày 16 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 25 tháng 06 năm 2007.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh giày dép, túi xách, cặp táp, các loại (không thuộc da tại trụ sở). Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành giày dép, túi xách, cặp táp. Đại lý mua bán, ký gửi giày dép, túi xách, cặp táp cho nước ngoài. Xuất nhập khẩu trực tiếp. Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Đại lý tàu biển. Dịch vụ lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Nhà hàng ăn uống.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán : nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được hạch toán theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về « Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp ».

* Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

20537
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
HÌNH KI
KIỂM T
AM VI
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	130.772.833	2.104.292
Tiền gửi ngân hàng	25.394.183.381	16.608.673.366
Các khoản tương đương tiền <i>(tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)</i>	400.000.000	22.050.000.000
Cộng	25.924.956.214	38.660.777.658
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	12.298.949.292	6.344.825.380
Trả trước cho người bán	-	214.934.671
Các khoản phải thu khác	13.811.101	-
Cộng	12.312.760.393	6.559.760.051
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.310.801.324	5.180.132.496
Công cụ, dụng cụ	92.349.689	83.002.503
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	566.279.558	361.200.248
Thành phẩm	7.936.331.493	773.740.720
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.905.762.064	6.398.075.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	12.905.762.064	6.398.075.967
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu	27.878.904	27.878.904
Các loại thuế khác phải thu	6.675.872	6.675.872
Cộng	34.554.776	34.554.776
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	691.429.602	525.333.980
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	691.429.602	525.333.980

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN

419 Lê Hồng Phong, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	18.144.639.291	12.472.007.518	886.641.052	484.808.226	31.988.096.087
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	18.144.639.291	12.472.007.518	886.641.052	484.808.226	31.988.096.087
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.894.694.686	12.377.974.514	512.322.545	401.629.560	30.186.621.305
Số tăng trong năm	399.166.164	34.800.110	115.174.920	35.648.004	584.789.198
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.293.860.850	12.412.774.624	627.497.465	437.277.564	30.771.410.503
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	1.249.944.605	94.033.004	374.318.507	83.178.666	1.801.474.782
Tại ngày cuối năm	850.778.441	59.232.894	259.143.587	47.530.662	1.216.685.584

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

26.177.804.569



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	919.489.571	847.275.964
Thuế thu nhập cá nhân	12.808.851	13.019.398
Các loại thuế khác	18.240	-
Cộng	932.316.662	860.295.362
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	306.746.837	138.632.995
Cổ tức phải trả	2.712.330.000	2.109.590.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	317.627.600	554.597.600
Cộng	3.336.704.437	2.802.820.595
9. Phải trả dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
+ Công ty Bata Malaysia	1.142.415.800	1.038.429.200
Cộng	1.142.415.800	1.038.429.200

KẾ TÍNH TOÁN
 TRƯỞNG TÀI CHÍNH
 QUẢN LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN

419 Lê Hồng Phong, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000	(714.990.000)	(153.431.442)	1.313.693.265	764.500.000	6.402.813.713
Tăng trong năm trước						-
Lợi nhuận trong năm trước						5.062.415.060
Phân phối lãi trong năm						(760.000.000)
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>				760.000.000		(760.000.000)
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>					253.000.000	(253.000.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>						(500.000.000)
<i>Chi trả cổ tức năm 2010</i>						(2.109.590.000)
Giảm khác			(1.322.143.445)		(9.105.787)	(152.682.640)
Số dư cuối năm trước	16.000.000.000	(714.990.000)	(1.475.574.887)	2.073.693.265	1.008.394.213	7.689.956.133
Lãi trong năm nay						3.509.293.697
Phân phối lãi trong năm (*)						(351.000.000)
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>				351.000.000		(175.500.000)
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>					175.500.000	(351.000.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>						(602.740.000)
<i>Chi trả bổ sung cổ tức năm 2010</i>						(2.712.330.000)
<i>Chi trả cổ tức năm 2011</i>						-
Tăng/(giảm) khác			460.754.045			-
Số dư cuối năm nay (**)	16.000.000.000	(714.990.000)	(1.014.820.842)	2.424.693.265	1.183.894.213	7.006.679.830

Ghi chú:

(*) Trong năm công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2011. Số liệu chính thức sẽ được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

(**) Trong Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2011 thì số thuế TNDN được miễn giảm từ việc cổ phần hóa chưa tăng quỹ đầu tư phát triển là: 4.325.092.114 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011
	%	VND	%	VND
Vốn đầu tư của nhà nước	51%	8.160.000.000	51%	8.160.000.000
Vốn góp (cổ đông)	49%	7.840.000.000	49%	7.840.000.000
Cộng	100%	16.000.000.000	100%	16.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	16.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	93.150	93.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.506.850	1.506.850
- Cổ phiếu phổ thông	1.506.850	1.506.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.242.211.410	102.494.820.223
Tổng doanh thu	101.242.211.410	102.494.820.223
Trong đó: Doanh thu xuất khẩu	96.288.998.476	96.609.224.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	29.268.233
Giảm giá hàng bán	-	29.268.233
Hàng bán bị trả lại	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.242.211.410	102.465.551.990
Doanh thu thuần thành phẩm, hàng hoá	101.242.211.410	102.465.551.990
Doanh thu thuần dịch vụ	-	-

053
 NG
 HIEM
 TU T
 NH K
 EM
 TV
 HO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	91.796.419.827	93.505.268.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	91.796.419.827	93.505.268.753
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.123.493.921	2.299.189.567
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.556.695.934	3.039.445.796
Cộng	3.680.189.855	5.338.635.363
6. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Khách hàng hỗ trợ kinh phí	768.217.000	247.460.000
Thu nhập khác	-	-
Cộng	768.217.000	247.460.000
7. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý công nợ không thu hồi được	3.350.000	-
Phạt vi phạm hành chính	394.589	-
Cộng	3.744.589	-

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo thông tư 134/TT-BTC và công văn số 7186/CT-TTHT ngày 24/06/2008 công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất giày: công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005, 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (từ 2007 đến 2011), áp dụng thuế suất 20%;
- Đối với hoạt động may túi xách, cặp táp xuất khẩu: công ty được ưu đãi miễn thuế 02 năm (2005, 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (từ 2007 đến 2009), áp dụng thuế suất 25%;
- Đối với hoạt động kinh doanh khác, công ty không được miễn, giảm thuế TNDN và áp dụng thuế suất 25%.

25-
TY
HỮU
Ư VÀ
E TO
OẠI
ÉT
CHI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.767.889.515	6.093.640.290
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	83.666.664	74.750.073
- Các khoản điều chỉnh tăng	83.666.664	74.750.073
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	83.272.075	71.261.400
+ Phạt vi phạm hành chính	394.589	3.488.673
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	4.851.556.179	6.168.390.363
Trong đó:		
+ Lợi nhuận chịu thuế suất 20% và được giảm 50%	131.379.098	3.405.815.739
+ Lợi nhuận chịu thuế suất phổ thông 25%	4.720.177.081	2.762.574.624
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.193.182.180	1.031.225.230
Chi phí thuế TNDN được giảm theo TT 154/2011/TT-BTC	(273.692.609)	-
Chi phí thuế TNDN năm 2010 nộp bổ sung	339.106.247	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp	1.258.595.818	1.031.225.230

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.509.293.697	5.062.415.060
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.509.293.697	5.062.415.060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.506.850	1.506.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.329	3.360

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.791.972.931	26.785.982.085
Chi phí nhân công	45.996.460.459	38.393.541.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	584.789.198	772.890.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.853.109.647	26.354.278.427
Chi phí khác bằng tiền	6.060.322.009	9.424.997.688
Cộng	108.286.654.244	101.731.690.244

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

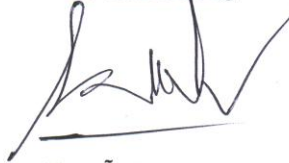
Người lập biểu



Nguyễn Thị Lý

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Kê toán trưởng



Nguyễn Đức Bình



Giám đốc

Huỳnh Tấn Tài